

# PHÉP NỐI VÀ VIỆC ĐỐI DỊCH ANH - VIỆT, VIỆT - ANH

NCS. Bùi Văn Năm\*

1. Như chúng ta đã biết, bản chất của phép liên kết (LK) trong văn bản chính là quan hệ. Các mối quan hệ này chằng chịt và làm nên một hệ thống khá phức tạp. Và tùy theo kiểu, loại LK mà chúng ta có những quan hệ rất khác nhau.

Trong hệ thống LK văn bản tiếng Anh, các biện pháp thay thế, tinh lược và phối hợp từ vựng chủ yếu là thiết lập trên mối quan hệ về hình thức (relatedness of form) và thuộc phạm trù ngữ pháp từ vựng. Trong khi phép quy chiếu và lặp từ, như tên gọi, lại không quá lệ thuộc vào hình thức của các yếu tố tiền giả định, chủ yếu là một kiểu quan hệ giữa các sở chỉ, thì phép nối (PN) lại hoàn toàn dựa vào quan hệ nghĩa.

Về mặt lý thuyết, khác biệt lớn nhất giữa các mối quan hệ trong hệ thống LK giữa tiếng Anh và tiếng Việt nói chung, nhất là PN, là ở quan hệ hình thức, còn quan hệ nghĩa và quan hệ ngữ pháp trong PN ở hai ngôn ngữ là khá giống nhau.

PN được thiết lập trên một sự giả định rằng, có một mối quan hệ nào đó giữa các phát ngôn được đánh dấu bằng các phương tiện ngôn ngữ gọi là các từ ngữ nối (TNN). Và như vậy, về mặt lý thuyết, có thể có loại PN mà không có các TNN, hay là nối bằng zêrô. Quả nhiên, trong thực tế giao tiếp đã lộ rõ vấn đề này và được thể hiện ở các thể loại văn bản khác nhau.

Quan sát các văn bản tin trong thể loại báo chí, hẳn mọi người đều nhận thấy là số TNN được sử dụng rất ít, nhiều khi không được sử dụng. Nói khác, ở cái vị trí mà lẽ ra TNN phải xuất hiện thì trên bề mặt văn bản lại không thấy xuất hiện chúng. Điều này có thể giải thích được bởi tin tức là phải nén kín thông tin. Do vậy, PN không có TNN xuất hiện với một tần suất lớn. Cả M.A.K. Halliday (1976), và J.R. Martin (1992) đều nhận thấy đặc điểm này trong giao tiếp nói chung và nhất là trong hội thoại và cả hai tác giả đều gọi là LK không được đánh dấu (unmarked cohesion). Điều này có thể xảy ra ở tất cả các phương thức LK, nhưng có thể rõ nhất là ở PN, trong thể loại tin tức.

Bài viết này xuất phát từ cái nhìn của ngữ pháp văn bản và phân tích diễn ngôn, lẽ đương nhiên, trước hết là phải dựa vào thành tựu của các cách tiếp cận tương ứng, trong đó không thể không nhắc đến trường phái ngữ pháp chức năng hệ thống, để trao đổi một số vấn đề đối dịch Anh – Việt, Việt – Anh trong PN.

---

\* Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.

2. Đến nay đã có nhiều công trình đề cập đến dịch thuật, chẳng hạn như (R. Jakobson 1959, S. Bassnett 1980, B. Hatim and I. Mason 1997, Jeremy Munday 2003, Hoàng Văn Vân 2005...). Theo một quan niệm phổ biến, dịch hay dịch thuật là chuyển từ một ngôn ngữ này - thường gọi là *ngôn ngữ nguồn*, sang một ngôn ngữ khác - thường gọi là *ngôn ngữ đích*. Giới dịch thuật đã dựa vào mô hình phân tích diễn ngôn của M.A.K. Halliday để xây dựng mô hình dịch lý tưởng. Trong đó, xuất phát từ những thể loại văn bản khác nhau, chúng ta xác định phong vực (register) dựa vào 3 yếu tố:

- Trường (field): tức xác định nói, viết cái gì, định truyền đạt điều gì.
- Không khí (tenor): tức ai nói với ai.
- Phương thức (mode): cách thức nào, nói hay viết.

Ba yếu tố này cũng là ba mạch nghĩa gắn liền với ba siêu chức năng là chức năng hình thành ý niệm (ideational function), chức năng liên nhân (interpersonal function) và chức năng tạo lập văn bản (textual function). Chúng chi phối đến phong cách, thể loại và tất nhiên chi phối đến phương thức liên kết. Tất cả sẽ đan cài vào nhau và làm thành ngữ nghĩa của diễn ngôn.

Dựa vào sự chuyển tác, tình thái, cấu trúc đề thuyết và hệ thống LK trong các văn bản, chúng ta sẽ nhận diện được các siêu chức năng hoạt động ra sao, quá trình hình thành ngữ nghĩa như thế nào.

Quả nhiên, trong mô hình phổ biến, PN chỉ là một trong những phương diện tạo nghĩa cho văn bản. Tuy nhiên, do PN được thiết lập trên các loại quan hệ nghĩa, do vậy nó có một ý nghĩa rất quan trọng trong việc tạo ra mạch lạc của văn bản. Sở dĩ một bản dịch ngô nghê, không liên thông, có các loại quan hệ mâu thuẫn, có thể xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng theo chúng tôi là do không nhận diện đầy đủ những quan hệ về nghĩa, trong đó có quan hệ nghĩa trong PN.

Như vậy, mục tiêu của bài viết này là trước hết phải phác họa cho được đường đi nước bước, tức những nguyên tắc khi đối dịch PN, sau đó sẽ đi vào xử lý những vấn đề cụ thể.

Theo chúng tôi khi đối dịch PN không thể không đề cập đến các vấn đề sau: cấu tạo và chức năng của các TNN, tính liên tục (continuity) và quan hệ nghĩa.

### **2.1. Cấu tạo và chức năng của TNN**

Về cấu tạo TNN, trong tiếng Anh và cả trong tiếng Việt đều có dạng thức đơn và ghép. M.A.K. Halliday và R. Hassan (1976), có nhắc đến các biểu thức nối, chẳng hạn biểu thức *đơn* như: *but, so, then, next, ...*; biểu thức *phức* như: *anyway, furthermore, besides, ...* và biểu thức khác như *in spite of that, because of that, ...* Trong tiếng Việt, phần phức tạp là ở chỗ định danh các yếu tố có chức năng nối, còn bản thân cấu tạo thì đơn giản, nghĩa là cũng có ba cấp độ cấu tạo như trên. Điều này xét về mặt hình thức, thoạt nhìn rất dễ chuyển dịch, nhưng quả vấn đề không đơn giản như vậy.

Về mặt chức năng, bao trùm vẫn là nối kết giữa các đơn vị nghĩa. Thực tiễn sử dụng cho thấy rằng, nhìn chung TNN phải được gắn liền với ngữ cảnh mới xác định chức năng của chúng. Tuy nhiên, ở một số ngữ đoạn, có thể dựa vào nghĩa mà hình dung ra các chức năng, chẳng hạn như diễn đạt sự chuyển tiếp: *thế rồi, sau đó, lên trên, kế tiếp, ...* trình tự

diễn đạt: *trước hết, kế đến, tiếp theo, cuối cùng,...*; nguyên nhân – kết quả: *thành thử, cho nên, bởi thế,...* Cần thấy, chúng ta khó lòng tìm thấy một TNN nào đó chỉ đảm nhận một chức năng duy nhất, do vậy, ngữ cảnh cho phép người sử dụng nhận ra các chức năng này.

Bức tranh chức năng của các TNN trong tiếng Anh cũng có tình hình tương tự. Có điều, ngoài một vài chỉ dẫn đơn giản ở một số sách ngữ pháp, việc nhận diện ra biện giải là rất khó.

M.A.K. Halliday và R. Hassan (1976) đã dựa trên cứ liệu tiếng Anh, đã chỉ ra sự khác biệt giữa các TNN khác nhau và ngay trong cùng một hình thức nổi cũng có thể khác nhau về mặt chức năng. Chẳng hạn như các TNN: *and, yet, so,...* tùy theo sự hành chức của chúng mà chúng thuộc ngữ cảnh bên trong (internal context) hay ngữ cảnh bên ngoài (external context).

Hãy quan sát các ví dụ trong bảng dưới đây:

| Từ nổi | Ngữ cảnh ngoài                                                                 | Ngữ cảnh trong                                             |
|--------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| And    | They gave him food and clothing. And they looked after him till he was better. | They gave me fish to eat. And I don't like fish.           |
| Yet    | They looked after him well. Yet he got no better.                              | They must be Henry. Yet it can't be; Henry' in Manchester. |
| So     | He drove in to the harbour one night. So they took his licence away.           | We' having guests tonight. So don't be late.               |

**Nguồn:** M.A.K Halliday và R. Hassan (1976), *Cohesion in English*, tr. 321.

Vẫn trên cách tiếp cận này, J.R. Martin 1992, lại phân biệt rất rạch ròi chức năng liên tục ngữ nghĩa (continuity) tức duy trì nghĩa và chức năng nối (conjunction), tức phát triển nghĩa. Hãy xem các ví dụ sau:

- (1) Ben is here. *Still* I wonder if Flo is coming. (Nối – phát triển nghĩa)
- (2) Ben has left. But Flo is *still* here. (Liên tục – chức năng duy trì nghĩa).
- (3) The results are significant. *Finally* let me consider the questions of applicability. (Nối – phát triển nghĩa)
- (4) Ben trained for hours. And by eleven he'd *finally* finished. (Liên tục – chức năng duy trì nghĩa).

**Nguồn:** J.R. Martin (1992), *English Text*, tr. 320

Như đã thấy *still* trong (1) và (2); *finally* trong (3) và (4) về mặt cấu tạo là như nhau, nhưng hiển nhiên là khác nhau về mặt chức năng.

## 2.2. Tính liên tục

Trong phạm vi quan sát hẹp giữa các phát ngôn nằm cạnh nhau, nếu hình dung phát ngôn trước là tiền đề ngữ nghĩa, chỗ dựa về mặt triển khai ngữ nghĩa, có thể hình dung tính liên tục được triển khai theo hai hướng:

- Xác lập quan hệ hình thức:

Có thể đó là mối quan hệ giữa các phát ngôn là bình đẳng (liên hợp) với nhau và thường do các TNN đảm trách như: *và, nhưng, rồi, và lại, hơn nữa, nói cách khác,...*

Có thể đó là mối quan hệ giữa các phát ngôn nhưng là không bình đẳng (chính phụ) với nhau. Trong trường hợp này vai trò của phát ngôn trước là có ý nghĩa chi phối. Các TNN là: *nếu, vì, trừ phi, ngoại trừ, mặc dù, cho đến lúc, vậy mà, sau khi...*

- Xác lập quan hệ hồi chỉ/ khứ chỉ

Như ta biết quan hệ hồi chỉ, khứ chỉ bao trùm lên tất cả các phát ngôn, nhất là thông qua các phát ngôn có chức năng nối. Chúng có thể nối các cấu tố nằm xa nhau như các phần các chương, các đoạn... nhưng ngay trong các phát ngôn nằm cạnh nhau cũng có mối quan hệ này.

Ví dụ:

(5) Học sinh con nhà nghèo thường chịu khó. *Và* chúng có thể làm được những việc quá sức mình.

(6) Có một số công việc tôi muốn bàn với chú. *Vì vậy* tôi mới sai cháu mời chú đến đây.

Hai ví dụ được khảo sát, vẫn trên cơ sở các TNN, nhưng rõ ràng hai quan hệ hồi chỉ và khứ chỉ đã được thiết lập.

### 2.3. Quan hệ nghĩa

Quan hệ nghĩa trong PN là một phổ niệm. Tuy nhiên, biểu hiện cụ thể trong tiếng Anh và tiếng Việt không hoàn toàn tương đương nhau.

- Trước hết xem xét một số trường hợp tương đương về nghĩa khi đối dịch PN:

| Ví dụ | Tiếng Anh                                                                                                                                                                                           | Tiếng Việt                                                                                                                                                                              |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (7)   | I smiled <b>too</b> . Holmes had already had quite a lot of work during the past few months. <b>But</b> I must say that the world seemed very quiet that morning.<br>[ACD, RSH; 60] <sup>1</sup>    | Tôi <b>cũng</b> mỉm cười. Holmes thực ra có rất nhiều việc trong vòng mấy tháng qua. <b>Nhưng</b> tôi phải nói rằng buổi sáng hôm đó thế giới này có vẻ rất yên tĩnh.<br>[ACD, RSH; 61] |
| (8)   | ... when a man could not find work, he should ask the government for help. <b>But</b> Adam would never take money without giving something for it.<br>[NTAN&CT, 20TNCL A-V; 18] <sup>2</sup>        | ...Khi người ta không tìm được việc làm thì người ta tìm đến xin chính phủ trợ cấp. <b>Nhưng</b> Adam không bao giờ nhận tiền mà không đổi lại thứ gì.<br>[NTAN&CT, 20TNCL A-V; 19]     |
| (9)   | Adam looked at the smiling face and thought, "the man is joking." <b>But</b> he answered the stranger. Mr. Stuffolies seems to be rich.<br>[NTAN&CT, 20TNCL A-V; 20]                                | Adam nhìn vào khuôn mặt mỉm cười kia và nghĩ, "Hắn ông ta đang đùa." <b>Nhưng</b> anh vẫn trả lời người lạ. Ông Stuffolies dường như là một người giàu có.<br>[NTAN&CT, 20TNCL A-V; 21] |
| (10)  | At the end of the street, Adams stopped at the post office. He thought he would go inside to get warm. <b>Then</b> he thought he would feel even colder when he came out. [NTAN&CT, 20TNCL A-V; 18] | Đến cuối con đường, Adam dừng trước bưu điện. Anh định đi vào trong cho ấm. <b>Rồi</b> lại nghĩ rằng mình sẽ cảm thấy lạnh hơn khi bước ra.<br>[NTAN&CT, 20TNCL A-V; 19]                |
| (11)  | Adam read the bright-red letters which said, "Mr.Stuffolies-merchant." <b>Then</b> Adam listened to some strange words. [NTAN&CT, 20TNCL A-V; 20]                                                   | Adam đọc những dòng chữ đỏ tươi, "Ngài Stuffolies – thương gia". <b>Rồi</b> Adam lắng nghe những lời thật lạ lẫm.<br>[NTAN&CT, 20TNCL A-V; 21]                                          |

<sup>1</sup> Arthur Conan Doyle, *The Return of Sherlock Homles*.

<sup>2</sup> Nguyễn Thị Ái Nguyệt & Cát Tiên, *20 truyện ngắn chọn lọc Anh – Việt*.

|      |                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                              |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (12) | He could get food, coal, clothing and medicines. <b>Then</b> he taught about why he could not sell Lady.<br>[NTAN&CT, 20TNCL A-V; 32]                                                                                                      | Anh có thể mua thực phẩm, than, áo quần và thuốc men. <b>Rồi</b> anh nghĩ đến việc tại sao không bán Lady.<br>[NTAN&CT, 20TNCL A-V; 33]                                                                                                      |
| (13) | He read it to us...<br><b>Then</b> he said to Holmes, "Do you know how much I paid for the bust in this bag?". [ACD, RSH; 48]                                                                                                              | Ông ta đọc cho chúng tôi nghe...<br><b>Rồi</b> ông ta nói với Holmes, "Ông có biết tôi đã trả bao nhiêu cho bức tượng trong cái túi này không?" [ACD, RSH; 49]                                                                               |
| (14) | On one of these evening visits Lestrade talk only about the weather and other interesting things for a long time. <b>After that</b> , he stopped talking and sat quietly thinking. Holmes was interested in his silence.<br>[ACD, RSH; 14] | Trong một lần viếng thăm vào buổi tối như vậy, Lestrade chỉ trò chuyện về thời tiết và những chuyện tẻ nhạt khác một lúc lâu. <b>Sau đó</b> , ông ngừng nói và ngồi yên suy nghĩ. Holmes rất quan tâm đến sự im lặng của ông. [ACD, RSH; 15] |
| (15) | Smith was in his bedroom reading a book. <b>After a few minutes</b> she heard him go down to the room where he usually worked with the professor.<br>[ACD, RSH; 116]                                                                       | Smith đang trong phòng ngủ đọc sách. <b>Vài phút sau</b> cô nghe thấy Smith đi xuống căn phòng mà anh vẫn thường làm việc với giáo sư. [ACD, RSH; 117]                                                                                       |

- Dưới đây là trường hợp không tương đương về nghĩa khi đối dịch các TNN (có nghĩa là khi đối dịch có thể dùng một trong nhiều TNN khác nhau).

| Ví dụ | Tiếng Anh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Tiếng Việt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (16)  | Holmes look at him. "There is a lot more work for us to do," he said. But there are some interesting questions here for us to think about. <b>For example</b> , why was a man not afraid to kill someone to get a cheap bust like this? <b>Another thing</b> , if he only wanted to break the bust, why didn't he break it at Mr Harker's house? Why did he take it away with him?"<br>[ACD, RSH; 24] | Holmes nhìn ông ta. "Chúng ta cần làm nhiều việc khác" anh nói. "Nhưng ở đây có một số câu hỏi thú vị cho chúng ta suy nghĩ. <b>Ví dụ/cho ví dụ/Ví dụ như</b> tại sao có những kẻ không ngần ngại giết kẻ khác để đoạt lấy một bức tượng bán thân rẻ tiền như vậy? <b>Thêm nữa/Điều nữa là</b> , nếu hắn ta chỉ muốn đập vỡ bức tượng, tại sao hắn không đập vỡ nó tại nhà ông Harker? Tại sao hắn lại mang nó đi nơi khác?" [ACD, RSH; 25] |
| (17)  | Holmes was quite pleased with what shopkeeper had told him us. He decided <b>next</b> to visit Gelder and Company, the place where the busts were made.<br>[ACD, RSH; 30]                                                                                                                                                                                                                             | Holmes rất hài lòng về những gì người chủ hiệu đã cho biết. <b>Kế đến/và sau đó/kế tiếp</b> anh quyết định đến hãng Gelter và Công ty, nơi những bức tượng được sản xuất. [ACD, RSH; 31]                                                                                                                                                                                                                                                    |
| (18)  | He disappeared into the darkness and we waited in silence.<br><b>The next thing</b> we heard was the sound of a window opening very slowly, <b>then</b> we saw a small light inside the front of the house.<br>[ACD, RSH; 40]                                                                                                                                                                         | Hắn biến vào bóng đêm và chúng tôi yên lặng chờ đợi.<br><b>Kế đến/liền sau đó</b> chúng tôi nghe thấy tiếng cửa sổ mở ra thật chậm, và <b>sau đó/và rồi/rồi sau đó</b> chúng tôi nhìn thấy một đốm sáng nhỏ bên trên căn phòng ngoài cùng của căn nhà. [ACD, RSH; 41]                                                                                                                                                                       |
| (19)  | <b>As soon as</b> Mr Sandeford had gone, Holmes started to do strange things. Lestrade and I watched him carefully. <b>First</b> he took a clean white cloth from the cupboard and laid it on the table. <b>Next</b> he carefully put the bust on the cloth. He took his stick and hit bust hard. [ACD, RSH; 52]                                                                                      | <b>Ngay khi/Vừa khi/Chẳng bao lâu</b> ông Sandeford vừa đi khỏi, Holmes bắt đầu làm những chuyện rất kỳ lạ. Lestrade và tôi theo dõi ông rất chăm chú. <b>Đầu tiên/trước tiên/trước hết</b> ông lấy trong tủ ra một cái khăn trắng sạch và đặt lên bàn. <b>Kế đến/sau đó/bên cạnh đó/rồi sau đó</b> , ông cẩn thận đặt bức tượng lên tấm khăn. Ông cầm gậy đập lên bức tượng. [ACD, RSH; 53]                                                |
| (20)  | He was insensitive to group's needs. <b>Consequently</b> , there was a lot of bad feeling.<br>[SGTimes, 5/2005, p.12] <sup>3</sup>                                                                                                                                                                                                                                                                    | Anh ấy không nhạy bén trước nhu cầu của số đông. <b>Vì vậy/ do đó/cho nên/kết quả là/hậu quả là</b> không có nhiều tình cảm tiêu cực.                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

<sup>3</sup> Saigon Times.

- Một số TNN khi đối dịch Việt – Anh không tương đương về nghĩa.

| Ví dụ | Tiếng Việt                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Tiếng Anh                                                                                                                                                                                      |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (21)  | <b>Rồi</b> hôm nay bất kể trời mưa gió thế nào mà Mai đến tìm Thy, chỉ để nói và khóc. [VTMT, NMVCNĐ; 14] <sup>4</sup>                                                                                                                                                                                  | <b>Then</b> , even as it rained hard, Mai came to Thy's house, just saying and crying... [VTMT, NMVCNĐ; 169]                                                                                   |
| (22)  | Tôi giật thót người...<br><b>Rồi</b> chúng tôi mất dần nhau từ đó... [VTMT, NMVCNĐ; 32]                                                                                                                                                                                                                 | It startled me...<br><b>Then little by little</b> we gradually lost touch until our relationship was lost...[VTMT, NMVCNĐ; 84]                                                                 |
| (23)  | Có lẽ Mai đã từng bị dẫn vật, vì cô cho rằng đã làm cho vị thần tượng của mình xao lãng việc tôi luyện ý chí theo triết lý mà ông ta đang sống. <b>Nhưng</b> bây giờ chắc chắn Mai đã nhận ra ông ta không hề thực tâm tập luyện mà chỉ tạo ra một hình thức có vẻ thánh thiện thôi. [VTMT, NMVCNĐ; 16] | Mai herself once might have felt ashamed because her thoughts denigrated her idol.<br><b>But</b> now sure enough she fully realized his true nature. [VTMT, NMVCNĐ; 71]                        |
| (24)  | Đã có lúc cô tưởng mình không vượt qua được. <b>Nhưng</b> với bản tính kiêu hãnh, cô không cho phép mình ngã gục, không cho phép mình khuất phục trước bất cứ ai. [VTMT, NMVCNĐ; 17]                                                                                                                    | Thy had once experienced such a great grief that she thought she could never overcome.<br><b>However</b> , her pride did not let her be down-hearted, or subject to anyone. [VTMT, NMVCNĐ; 72] |

Trong phạm vi quan sát của chúng tôi, dù là loại văn bản gì, dịch tương đương về nghĩa thường được đánh giá cao.

Tuy nhiên, PN, bên cạnh có thể dịch một đối một Anh – Việt, Việt – Anh kiểu như: *after* = *sau đó*; *but* = *nhưng*; *after a few minutes* = *vài phút sau*; *meanwhile* = *trong lúc đó*; *next* = *tiếp theo*; *up to that point* = *đến thời điểm ấy*; *at the same time* = *đồng thời...*, theo quan sát của chúng tôi, nhóm TNN về thời gian có thể dịch tương đương chiếm tỷ lệ cao nhất. Trong khi đó nhóm TNN chỉ kết quả như: *as a result/kết quả là*, *in consequence/kết quả...*; TNN chỉ lý do như: *for that reason/vì lý do đó*, *on account of this/tại vì điều này*; các nhóm TNN chỉ mục đích như: *with this in view/với mục đích này*, *for that purpose/vì mục đích đó*... dịch tương đương chiếm tỷ lệ thấp hơn. Các nhóm TNN chỉ sự tiêu cực như: *if not/nếu không*, *otherwise/ngược lại*... hoặc từ ngữ tích cực như: *under the circumstances/trong điều kiện này*, *in that event/trong tình hình đó*, *in that case/trong trường hợp đó*... dịch tương đương chiếm tỷ lệ thấp nhất.

Vì con số thống kê còn hạn chế, các nhận xét bên trên chưa thể khái quát được điều gì. Nhưng rõ ràng PN trong đối dịch là một vấn đề phức tạp và khá thú vị. Các dẫn chứng từ ví dụ (7) đến (24) nói lên điều đó.

Phương thức nối ở hai ngôn ngữ đều thể hiện những quan hệ nghĩa và ngữ pháp nhất định, là yếu tố quan trọng góp phần làm nên tính mạch lạc của văn bản. Tuy nhiên, trong mỗi quan hệ đối dịch giữa các ngôn ngữ khác nhau, giữa các TNN thường không có sự tương đương một đối một một cách đơn giản. Vì vậy, khi đối dịch, chúng ta phải luôn

<sup>4</sup> Vương Thị Minh Tâm, *Những mảnh vỡ của nỗi đau*.

luôn có sự cân nhắc kỹ lưỡng trong việc chuyển mã cho phù hợp với nội dung của văn bản. Ví dụ:

(25) I wonder whether that statement can be packed up by adequate evidence. *In other words*, you don't believe me.

[BLCUP, WSFIT]

(Tôi phân vân không biết liệu câu nói đó có đủ bằng chứng hay không? *Tức có nghĩa là* anh không tin tôi).

Yếu tố ngôn ngữ được dùng để LK nối ở đây là 'In other words' phải được dịch sang tiếng Việt một cách uyển chuyển (*Tức có nghĩa là, Nói cách khác...*), chứ không thể dịch là *trong những từ ngữ khác*. Bởi vì, trong tiếng Việt, trong mỗi quan hệ này không thể dịch như thế được.

3. Khi học tiếng Anh, chắc chắn chúng ta đã từng do dự hay lúng túng khi muốn chọn một từ, một cụm từ thích hợp nói chung hoặc một TNN nói riêng cho nội dung mà chúng ta định nói hay viết.

Một số TNN mà chúng ta cho là tương đương nhưng thực ra về nghĩa và cách dùng có khác. Chẳng hạn như 'there by/do đó' với 'there for/do đó', 'until then/mãi đến lúc đó' với 'at the moment/đến lúc đó' ... và còn nhiều TNN khác mà người Việt học tiếng Anh rất dễ nhầm lẫn. Sở dĩ có việc sử dụng sai và nhầm lẫn này, trước hết do học viên chỉ hiểu nghĩa chung chung mà chưa hiểu cặn kẽ các nghĩa khác của từ ngữ và nhất là chưa nắm chắc cách dùng từ ngữ trong các trường hợp cụ thể, văn cảnh cụ thể và mục đích sử dụng của người dùng từ ngữ. Ngoài ra, chúng ta còn lưu ý đến nhân tố chịu ảnh hưởng của ngôn ngữ mẹ đẻ (native language) của người học tiếng Anh. Nhân tố này luôn tác động vào cách nói, cách viết, cách sử dụng từ ngữ tiếng Anh, làm cho người học suy nghĩ chủ quan và cấu trúc phát ngôn theo tiếng mẹ đẻ.

Tóm lại, việc so sánh, đối chiếu về việc sử dụng các TNN trong PN của tiếng Việt và tiếng Anh có ý nghĩa lý thuyết và thực tiễn sử dụng. Nắm vững những nét tương đồng và dị biệt về cách sử dụng các TNN trên đây chắc chắn sẽ giúp cho học viên nâng cao năng lực tạo lập những đoạn văn hay, những văn bản hay và chắc chắn sẽ giúp ích rất nhiều cho việc đối dịch Anh – Việt, Việt – Anh.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban, *Giao tiếp – Diễn ngôn và Cấu tạo văn bản*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2009.
2. Đỗ Hữu Châu, "Dùng học và dịch thuật", *Những vấn đề ngôn ngữ và dịch thuật*, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, tr.11-14, 1993.
3. Hoàng Văn Vân, "Khái niệm tương đương trong lý luận và thực tiễn dịch thuật: tương đương theo nghĩa nào?", tạp chí *Ngôn ngữ (2)*, 2010, tr. 1-16.
4. Jakobson R., "On linguistic Aspects of Translation", *Readings in Translation Theory*, Chesterman A., (Ed.) Finland: Loimaan Kirjapaino, 1989.
5. Halliday M.A.K. & Hassan R., *Cohesion in English*, Longman, London, 1976.

